

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011*  
*đã được kiểm toán*

## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 – 4</b>
<b>Báo cáo kiểm toán</b>	<b>5</b>
<b>Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán</b>	<b>6 – 43</b>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 – 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 – 43

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Alphanam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Alphanam, trước đây là Công ty Cổ phần Alphanam Công nghiệp, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0503000009 ngày 30 tháng 11 năm 2001. Công ty Cổ phần Alphanam Công nghiệp đổi tên thành Công ty Cổ phần Alphanam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 03 ngày 24 tháng 11 năm 2006. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 16 tháng 6 năm 2009 chuyển thành Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0900191660. Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 10.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 645.844.130.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm:

- Sản xuất và kinh doanh các loại sơn và vật liệu xây dựng (đến tháng 12 năm 2011 đã chuyển giao cho Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam);
- Buôn bán các tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua bán các loại hàng hóa;
- Cho thuê mặt bằng nhà xưởng;
- Nhận ủy thác đầu tư.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

### **NHỮNG ẢNH HƯỞNG QUAN TRỌNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM CỦA CÔNG TY**

- Trong năm, Công ty góp vốn thành lập Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH hai thành viên trở lên số 0900677299 ngày 22 tháng 4 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp. Trong đó, Công ty Cổ phần Alphanam sở hữu tỷ lệ 99,5% vốn điều lệ. Ngày 17 tháng 11 năm 2011, Công ty đã được Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 05200000008 (thay đổi lần 3) về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, bổ sung thành viên góp vốn là tổ chức nước ngoài vào Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Alphanam tại Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam giảm xuống còn 35%, vốn của bên nước ngoài (Công ty TNHH Sơn Kansai) là 60% và vốn của cá nhân khác trong nước là 5%. Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam thay thế Công ty Cổ phần Alphanam Công nghiệp (nay là Công ty Cổ phần Alphanam) làm chủ đầu tư, thực hiện Nhà máy sản xuất sơn và bột bả đã được Ban quản lý dự án tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 052010000008 ngày 22 tháng 11 năm 2006. Theo đó, kể từ tháng 12 năm 2011 toàn bộ hoạt động sản xuất và kinh doanh các loại sơn của Công ty Cổ phần Alphanam đã được chuyển giao cho Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc** (tiếp theo)

---

- Trong năm, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 438.203.940.000 đồng lên 645.844.130.000 đồng thông qua việc chuyển đổi trái phiếu tăng vốn điều lệ là 100.000.000.000 đồng và chia cổ phiếu thưởng từ thặng dư vốn cổ phần 107.640.190.000 đồng.
- Trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty năm 2011 có phát sinh khoản thu nhập khác là chênh lệch do đánh giá lại tài sản cố định để góp vốn vào Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam số tiền là 146.455.408.057 đồng.

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 43).

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Hải	Chủ tịch	
Ông Tạ Quốc Khánh	Ủy viên	
Ông Bùi Hoàng Tuấn	Ủy viên	
Ông Nguyễn Tuấn Phương	Ủy viên	
Bà Bùi Kim Yến	Ủy viên	
Ông Phạm Văn Dũng	Ủy viên	
Ông Nguyễn Quang Huy	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2011

### **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Hải	Tổng Giám đốc	
Ông Tạ Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Hoàng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Đỗ Thị Minh Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Ứng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2011
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2011
Bà Âu Thiên Hương	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2011
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng	Bỏ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2012
Ông Đỗ Quang Phong	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2012

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Hưng Yên, ngày 09 tháng 4 năm 2012

**TM. Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**



CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
ALPHANAM

NGUYỄN TUẤN HẢI

Số: 142./2012/BCKT-AASCN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011  
của Công ty Cổ phần Alphanam

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Alphanam được lập ngày 30 tháng 3 năm 2012 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 43 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### *Cơ sở ý kiến*

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến kiểm toán.

### *Ý kiến của kiểm toán viên*

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Alphanam tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2012

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài  
chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

**Phó Giám đốc**



**Bùi Ngọc Hà**  
Chứng chỉ KTV số: 0662/KTV

**Kiểm toán viên**



**Bùi Thị Ngọc Lan**  
Chứng chỉ KTV số: 0300/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>774.996.288.093</b>	<b>965.658.787.106</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>49.967.120.314</b>	<b>77.060.328.531</b>
1.	Tiền	111		28.967.120.314	20.856.528.531
2.	Các khoản tương đương tiền	112		21.000.000.000	56.203.800.000
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>5.289.850.000</b>	<b>263.392.572.242</b>
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		6.472.694.286	264.577.953.842
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(1.182.844.286)	(1.185.381.600)
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>499.327.897.804</b>	<b>382.815.612.168</b>
1.	Phải thu khách hàng	131		287.860.261.423	332.713.913.062
2.	Trả trước cho người bán	132		120.480.602.165	25.370.402.301
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.03	105.952.339.969	31.006.704.517
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(14.965.305.753)	(6.275.407.712)
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>215.294.551.270</b>	<b>231.318.190.899</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.04	223.192.310.908	231.318.190.899
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(7.897.759.638)	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.116.868.705</b>	<b>11.072.083.266</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		745.538.095	3.124.041.713
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		298.033.024	1.111.715.097
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	301.247.458	25.583.585
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158		3.772.050.128	6.810.742.871

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>772.401.386.480</b>	<b>585.609.114.388</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>45.494.458.089</b>	<b>107.119.765.970</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	35.494.758.005	90.026.002.052
	- Nguyên giá	222		66.367.419.937	143.285.403.786
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(30.872.661.933)	(53.259.401.734)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.07	3.540.493.734	1.875.792.758
	- Nguyên giá	225		4.280.734.238	2.164.376.238
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(740.240.504)	(288.583.480)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	5.373.208.601	10.292.985.011
	- Nguyên giá	228		7.244.923.697	13.284.887.600
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.871.715.096)	(2.991.902.589)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	1.085.997.749	4.924.986.149
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.10</b>	<b>2.607.500.000</b>	<b>2.607.000.000</b>
1.	Nguyên giá	241		2.607.500.000	2.607.000.000
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.11</b>	<b>674.932.501.031</b>	<b>407.854.364.368</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.11.01	627.199.609.424	22.565.729.390
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.11.02	55.632.891.607	385.288.634.978
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	V.11.03	(7.900.000.000)	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.303.456.287</b>	<b>3.949.204.140</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	1.783.238.327	3.350.756.581
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	82.951.988
3.	Tài sản dài hạn khác	268		520.217.960	515.495.571
<b>VI.</b>	<b>Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	<b>V.13</b>	<b>47.063.471.073</b>	<b>64.078.779.911</b>
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.547.397.674.573</b>	<b>1.551.267.901.494</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>592.219.660.683</b>	<b>695.211.121.757</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>535.745.191.508</b>	<b>570.712.870.062</b>
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	309.356.807.571	265.109.288.432
2.	Phải trả người bán	312		83.353.443.355	88.159.959.335
3.	Người mua trả tiền trước	313		101.773.774.981	178.385.232.846
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	21.975.842.217	16.583.850.320
5.	Phải trả người lao động	315		4.716.100.986	8.028.228.073
6.	Chi phí phải trả	316	V.16	2.905.487.905	7.089.322.693
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	5.687.614.824	3.128.246.232
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		2.437.752.776	2.159.184.449
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.538.366.893	2.069.557.682
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>56.474.469.175</b>	<b>124.498.251.695</b>
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		5.332.781.632	3.514.637.873
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.18	7.086.359.874	110.443.261.104
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.19	20.713.989.154	1.530.000.000
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		228.541.248	232.496.748
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		23.112.797.267	8.777.855.970
<b>B.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>842.252.865.891</b>	<b>729.603.674.897</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>842.252.865.891</b>	<b>729.603.674.897</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		645.844.130.000	438.203.940.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		74.155.820.000	181.796.010.000
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		3.567.681.573	5.884.684.682
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		4.649.596.131	4.649.596.131
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		435.087.978	435.087.978
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		5.914.670.142	3.807.986.471
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		107.685.880.067	94.826.369.635
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>C.</b>	<b>LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>V.21</b>	<b>112.925.148.000</b>	<b>126.453.104.841</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.547.397.674.573</b>	<b>1.551.267.901.494</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

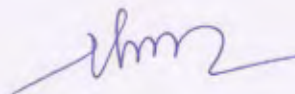

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		1.308.915.648	1.326.571.281
5.	Ngoại tệ các loại			
	USD		25.615.061,96	106.430,04
	EUR		218,04	8.359,39
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-
7.	Mệnh giá cổ phiếu ủy thác		-	2.674.480.000

Hưng Yên, ngày 30 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Anh

Nguyễn Thị Thu Hương

Nguyễn Tuấn Hải

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

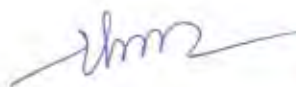
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.055.849.842.847	1.239.380.832.308
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	42.366.437.760	37.290.209.874
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.03</b>	<b>1.013.483.405.087</b>	<b>1.202.090.622.434</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	893.660.769.228	974.047.267.042
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>119.822.635.859</b>	<b>228.043.355.392</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	24.039.005.554	83.856.284.665
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	144.493.456.924	89.034.906.706
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>56.333.502.146</i>	<i>32.498.628.169</i>
8. Chi phí bán hàng	24		56.976.229.322	63.241.970.155
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		62.229.894.595	59.000.752.967
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(119.837.939.428)</b>	<b>100.622.010.229</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.07	196.345.492.927	5.539.854.364
12. Chi phí khác	32	VI.08	5.004.525.514	6.750.848.312
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>191.340.967.413</b>	<b>(1.210.993.948)</b>
<b>14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>45</b>		<b>(32.445.289.260)</b>	<b>(1.907.805.689)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>39.057.738.725</b>	<b>97.503.210.592</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	4.429.211.947	12.475.236.168
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10	19.266.941.142	3.817.178.284
<b>18. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>15.361.585.636</b>	<b>81.210.796.140</b>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(2.348.297.048)	12.512.293.454
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		17.709.882.684	68.698.502.687
<b>19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>V.20</b>	<b>297</b>	<b>1.259</b>

Hưng Yên, ngày 30 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Nguyễn Văn Anh

Nguyễn Thị Thu Hương

Nguyễn Tuấn Hải

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		39.057.738.725	97.503.210.592
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		13.313.240.855	15.157.838.314
-	Các khoản dự phòng	03		24.485.120.365	2.538.986.918
-	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		101.947.080	-
-	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		56.649.806.208	(37.061.193.789)
-	Chi phí lãi vay	06		56.333.502.146	32.498.628.169
3.	<i>Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		189.941.355.379	110.637.470.204
-	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(121.547.243.135)	89.562.984.551
-	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		8.125.879.991	(60.319.188.177)
-	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(279.018.547.525)	(25.175.526.593)
-	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		3.946.021.872	(1.949.772.949)
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(56.530.905.383)	(31.533.426.769)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3.339.518.336)	(7.093.599.121)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		6.464.840.720	201.057.556.936
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(8.211.096.791)	(190.088.590.215)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(260.169.213.209)	85.097.907.867
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(4.958.813.945)	(28.375.997.298)
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		1.654.422.450	271.352.119
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(28.926.563.836)	(456.133.184.710)
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		372.457.976.262	117.690.706.497
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(747.508.775.862)	(232.655.196.668)
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		590.974.340.589	328.514.403.000
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.629.955.435	10.618.127.394
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		196.322.541.093	(260.069.789.666)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		711.473.145.348	784.600.597.932
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(673.957.694.963)	(585.287.569.008)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(767.209.540)	(460.875.449)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>36.748.240.845</b>	<b>198.852.153.475</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(27.098.431.271)</b>	<b>23.880.271.676</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>77.060.328.531</b>	<b>53.121.048.641</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		5.223.054	59.008.214
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>49.967.120.314</b>	<b>77.060.328.531</b>

Hưng Yên, ngày 30 tháng 3 năm 2012

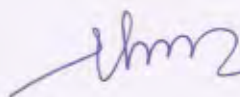
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Anh



Nguyễn Thị Thu Hương


  
 Nguyễn Tuấn Hải

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Năm 2011**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

#### **02. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

#### **03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm:

- Sản xuất và kinh doanh các loại sơn và vật liệu xây dựng (đến tháng 12 năm 2011 đã chuyển giao cho Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam);
- Buôn bán các tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua bán các loại hàng hóa;
- Cho thuê mặt bằng nhà xưởng;
- Nhận ủy thác đầu tư.

Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, một số ngành nghề được cấp phép nhưng trong năm tài chính chưa phát sinh tại Công ty bao gồm:

- Sản xuất thiết bị điện và vật liệu điện;
- Sản xuất tủ bảng điện;
- Sản xuất thiết bị và máy cơ khí, thủy lực;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí chuyên dùng;
- Xây lắp các công trình điện đến 35KV;
- Sản xuất, lắp đặt thang máy;
- Sản xuất các sản phẩm nhựa composite.

#### **04. Những ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty**

- Trong năm, Công ty góp vốn thành lập Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH hai thành viên trở lên số 0900677299 ngày 22 tháng 4 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp. Trong đó, Công ty Cổ phần Alphanam sở hữu tỷ lệ 99,5% vốn điều lệ. Ngày 17 tháng 11 năm 2011, Công ty đã được Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 05200000008 (thay đổi lần 3) về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, bổ sung thành viên góp vốn là tổ chức nước ngoài vào Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Alphanam tại Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam giảm xuống còn 35%, vốn của bên nước ngoài (Công ty TNHH Sơn Kansai) là 60% và vốn của cá nhân khác trong nước là 5%. Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam thay thế Công ty Cổ phần Alphanam Công nghiệp (nay là Công ty Cổ phần Alphanam) làm chủ đầu tư, thực hiện Nhà máy sản xuất sơn và bột bả đã được Ban quản lý dự án tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 052010000008 ngày 22 tháng 11 năm 2006. Theo đó, kể từ tháng 12 năm 2011 toàn bộ hoạt động sản xuất và kinh doanh

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

các loại sơn của Công ty Cổ phần Alphanam đã được chuyển giao cho Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam.

- Trong năm, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 438.203.940.000 đồng lên 645.844.130.000 đồng thông qua việc chuyển đổi trái phiếu tăng vốn điều lệ là 100.000.000.000 đồng và chia cổ phiếu thưởng từ thặng dư vốn cổ phần 107.640.190.000 đồng.
- Trong kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2011 có phát sinh khoản thu nhập khác là chênh lệch do đánh giá lại tài sản cố định để góp vốn vào Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam số tiền là 146.455.408.057 đồng.

**05. Thông tin về Công con**

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại 31/12/2011	Quyền kiểm soát của Công ty mẹ	
			Tại ngày 31/12/2011	Tại ngày 01/01/2011
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Vinaconex – Alphanam	Số 33 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	67,27%	67,27%	67,27%
Công ty Liên doanh Fuji – Alpha	Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	88,49%	88,49%	75,00%
Công ty Cổ phần Alpha Nam Sài Gòn	Lô III – 14, nhóm Công nghiệp III, khu Công nghiệp Tân Bình, đường số 1, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh	99,97%	99,97%	99,97%
Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện	79 Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á (Công ty con của Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện)	Số 2 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội	49,5%	97,20%	90,14%

**06. Thông tin về Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ**

Tên Công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày 31/12/2011
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco	58 Bạch Đằng, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	48,80 %
Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	Số 47, Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	30,87%
Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam	Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	35,00%
Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	Số 33 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	27,22%

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### **02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

#### **03. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

#### **02. Cơ sở hợp nhất**

##### *Các công ty con*

Các Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.



**03. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau,
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

**04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc của hàng tồn kho.

**05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

*Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính*

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

***Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính***

Khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	6 – 25 năm
- Máy móc thiết bị	5 – 7 năm
- Phương tiện vận tải	6 – 7 năm
- Thiết bị văn phòng	4 – 5 năm
- Tài sản cố định khác	5 – 6 năm
- Phần mềm kế toán	5 năm
- Quyền sử dụng đất	35 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

**06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

**07. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm cuối năm. Đối với chứng khoán chưa đăng ký niêm yết trên thị trường chứng khoán và không thể xác định được giá thị trường tại thời điểm cuối năm thì không thực hiện trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính.

**08. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

**09. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác**

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ xuất dùng phân bổ cho nhiều năm tài chính;
- Chi phí sửa chữa;
- Chi phí khác.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

**10. Lợi thế thương mại và bất lợi thương mại**

Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh lớn hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng (nếu có) của bên bị mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 10 năm.

Bất lợi thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh nhỏ hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng (nếu có) của bên bị mua. Bất lợi thương mại được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả kinh doanh.

**11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư của các khoản tiền và công nợ ngắn hạn có gốc bằng ngoại tệ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*****Doanh thu bán hàng:***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

### **Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ:***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Doanh thu hợp đồng xây dựng:***

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính:***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;
- Chi phí tài chính khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Hiện tại, Công ty đang được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN như sau:

**Đối với Công ty mẹ: Công ty Cổ phần Alphanam:**

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 052010000008 ngày 22 tháng 11 năm 2006 do Ban quản lý các khu Công nghiệp Hưng Yên cấp thì: hoạt động sản xuất sơn và bột bả của Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 15% trong 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2006) và áp dụng thuế suất thuế thu nhập hiện hành trong các năm tiếp theo; được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 (ba) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2007 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 05 (năm) năm tiếp theo.

**Đối với Công ty Liên doanh Fuji – Alpha**

Công ty được áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2005). Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2007 là năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế) và giảm 50% trong 07 (bảy) năm tiếp theo.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

**01. Tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	3.257.485.400	2.916.464.480
- Tiền gửi ngân hàng	25.618.777.262	17.789.550.447
- Tiền đang chuyển	90.857.652	150.513.604
- Các khoản tương đương tiền	21.000.000.000	56.203.800.000
<b>Cộng</b>	<b>49.967.120.314</b>	<b>77.060.328.531</b>

**02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- <b>Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn</b>	<b>41.500</b>	<b>1.757.094.286</b>	<b>48.700</b>	<b>2.657.119.286</b>
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	1.500	57.094.286	1.500	57.094.286
+ Công ty CP Cấp và Vật liệu Viễn Thông	-	-	7.200	900.025.000
+ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	40.000	1.700.000.000	40.000	1.700.000.000
- <b>Trái phiếu đầu tư ngắn hạn</b>		-		-
- <b>Đầu tư ngắn hạn khác</b>		<b>4.715.600.000</b>		<b>261.920.834.556</b>
+ Công ty CP Đầu tư Alphanam		-		139.131.626.716
+ Công ty CP ĐT và XD Hạ Tầng Alphanam		-		560.834.453
+ Công ty CP Địa ốc Alphanam		550.000.000		97.300.379.154
+ Tiền gửi có kỳ hạn		4.165.600.000	-	-
+ Công ty CP Đầu tư Minh Nguyên		-		738.660.000
+ Ông Nguyễn Hữu Việt		-		24.189.334.233
- <b>Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</b>		<b>(1.182.844.286)</b>		<b>(1.185.381.600)</b>
+ Công ty CP Cấp và Vật liệu Viễn Thông		-		(765.381.600)
+ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn		(1.152.000.000)		(420.000.000)
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát		(30.844.286)		-
<b>Cộng</b>		<b>5.289.850.000</b>		<b>263.392.572.242</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**03. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu khác	105.952.339.969	31.006.704.517
+ Công ty CP Động Lực (*)	10.460.000.000	-
+ Công ty CP Đầu tư Alphanam	6.880.592.929	-
+ Công ty CP Địa ốc Alphanam	2.448.011.837	-
+ Ông Phạm Phú Kiêm	-	220.000.000
+ Phải thu Bà Đỗ Thúy Nga tiền bán cổ phần	-	2.110.000.000
+ Công ty Cổ phần Phú Thái Holdings (**)	83.459.640.694	-
+ Thuế GTGT tài sản cố định thuê tài chính	235.018.628	-
+ Công ty CP Hùng Tiến Kim Sơn	-	22.941.040.000
+ Lãi dự thu	45.130.700	2.582.822.115
+ Các đối tượng khác	2.423.945.181	3.152.842.402
<b>Cộng</b>	<b><u>105.952.339.969</u></b>	<b><u>31.006.704.517</u></b>

(\*): Phải thu về tiền cho vay 10.460.000.000 VND (tương đương 500.000 USD). Theo hợp đồng cho vay thì sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty CP Động Lực trả bằng 500 m<sup>2</sup> thương phẩm sản căn hộ tại số 130 phố Hạ Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Nếu sau 24 tháng kể từ ngày 14 tháng 2 năm 2011 mà Công ty Cổ phần Động Lực vẫn chưa giao 500 m<sup>2</sup> thương phẩm sản căn hộ nói trên thì phải chịu lãi vay.

(\*\*): Phải thu về tiền chuyển nhượng 3.402.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Phú Thái.

**04. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Hàng mua đang đi đường	169.309.709	1.572.079.173
- Nguyên liệu, vật liệu	73.827.358.669	92.380.859.215
- Công cụ, dụng cụ	25.850.000	541.487.183
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	110.769.566.511	69.706.340.024
- Thành phẩm	22.549.756.645	34.386.812.171
- Hàng hoá	15.810.041.137	32.498.834.759
- Hàng gửi đi bán	40.428.237	231.778.374
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b><u>223.192.310.908</u></b>	<b><u>231.318.190.899</u></b>

**05. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa	195.055.018	-
- Thuế xuất, nhập khẩu nộp thừa	105.968.519	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	223.921	23.715.799
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	1.867.786
<b>Cộng</b>	<b><u>301.247.458</u></b>	<b><u>25.583.585</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>47.920.842.266</i>	<i>57.075.703.800</i>	<i>29.429.882.537</i>	<i>6.869.926.833</i>	<i>1.989.048.350</i>	<i>143.285.403.786</i>
- Mua trong năm	-	1.698.041.501	1.777.999.091	606.468.718	264.000.000	4.346.509.310
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	54.901.602	34.293.500	89.195.102
- Thanh lý, nhượng bán	(20.909.091)	(1.533.103.915)	(1.572.637.827)	(735.803.094)	(120.829.490)	(3.983.283.417)
- Giảm do thanh lý Công ty con	(19.119.267.810)	(15.315.894.046)	(664.078.448)	-	(27.272.727)	(35.126.513.031)
- Giảm do đi góp vốn	(14.090.656.771)	(25.357.300.777)	(1.361.007.447)	(92.864.136)	(1.342.062.682)	(42.243.891.813)
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>14.690.008.594</i>	<i>16.567.446.563</i>	<i>27.610.157.906</i>	<i>6.702.629.923</i>	<i>797.176.951</i>	<i>66.367.419.937</i>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>18.156.859.028</i>	<i>22.630.418.644</i>	<i>8.898.063.344</i>	<i>2.312.589.545</i>	<i>1.261.471.173</i>	<i>53.259.401.734</i>
- Khấu hao trong năm	1.370.160.780	5.753.364.241	3.556.470.106	1.210.049.933	316.405.753	12.206.450.813
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(1.045.458)	(1.023.661.580)	(652.710.683)	(282.472.761)	(95.064.036)	(2.054.954.518)
- Giảm do thanh lý Công ty con	(4.967.151.830)	(5.743.926.681)	(385.933.571)	-	(27.272.727)	(11.124.284.809)
- Giảm do góp vốn	(7.799.953.062)	(11.777.707.280)	(776.468.085)	(106.333.822)	(953.489.039)	(21.413.951.288)
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>6.758.869.458</i>	<i>9.838.487.344</i>	<i>10.639.421.111</i>	<i>3.133.832.895</i>	<i>502.051.124</i>	<i>30.872.661.933</i>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>29.763.983.238</i>	<i>34.445.285.156</i>	<i>20.531.819.193</i>	<i>4.557.337.288</i>	<i>727.577.177</i>	<i>90.026.002.052</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>7.931.139.136</i>	<i>6.728.959.219</i>	<i>16.970.736.795</i>	<i>3.568.797.028</i>	<i>295.125.827</i>	<i>35.494.758.005</i>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**07. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính</b>				
<i>Số dư đầu năm</i>	-	2.164.376.238	-	2.164.376.238
- Thuê tài chính trong năm	-	2.116.358.000	-	2.116.358.000
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	-	4.280.734.238	-	4.280.734.238
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
<i>Số dư đầu năm</i>	-	288.583.480	-	288.583.480
- Khấu hao trong năm	-	451.657.024	-	451.657.024
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	-	740.240.504	-	740.240.504
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính</b>				
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	1.875.792.758	-	1.875.792.758
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	-	3.540.493.734	-	3.540.493.734



**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>				
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>11.415.741.416</i>	-	<i>1.869.146.184</i>	<i>13.284.887.600</i>
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(41.900.000)	(41.900.000)
- Giảm do thanh lý Công ty con	-	-	(30.400.000)	(30.400.000)
- Giảm do góp vốn	(4.882.069.200)	-	(1.085.594.703)	(5.967.663.903)
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>6.533.672.216</i>	-	<i>711.251.481</i>	<i>7.244.923.697</i>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>2.347.619.740</i>	-	<i>644.282.849</i>	<i>2.991.902.589</i>
- Khấu hao trong năm	345.652.805	-	309.480.213	655.133.018
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(15.363.348)	(15.363.348)
- Giảm do thanh lý Công ty con	-	-	(14.355.548)	(14.355.548)
- Giảm do góp vốn	(1.243.765.279)	-	(501.836.336)	(1.745.601.615)
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>1.449.507.266</i>	-	<i>422.207.830</i>	<i>1.871.715.096</i>
<b>III. Giá trị còn lại</b>				
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>9.068.121.676</i>	-	<i>1.224.863.335</i>	<i>10.292.985.011</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>5.084.164.950</i>	-	<i>289.043.651</i>	<i>5.373.208.601</i>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**09. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đầu tư mua sắm máy móc	161.011.600	-
- Chi phí mua văn phòng tại Hồ Chí Minh	907.530.331	907.530.331
- Chi phí mua đất	-	4.000.000.000
- Khác	17.455.818	17.455.818
<b>Cộng</b>	<b>1.085.997.749</b>	<b>4.924.986.149</b>

**10. Bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>I. Nguyên giá bất động sản đầu tư</b>	<b>2.607.000.000</b>	<b>500.000</b>	<b>-</b>	<b>2.607.500.000</b>
- Quyền sử dụng đất	2.607.000.000	500.000	-	2.607.500.000
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
<b>III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư</b>	<b>2.607.000.000</b>	<b>500.000</b>	<b>-</b>	<b>2.607.500.000</b>
- Quyền sử dụng đất	2.607.000.000	500.000	-	2.607.500.000
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

**11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn****11.01 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hà Tây <sup>(a)</sup>	-	-	1.278.654	20.602.343.924
Công ty CP Pacific-Alphanam Việt Nam <sup>(b)</sup>	-	-	196.000	1.963.385.466
Công ty CP Hùng Tiến Kim Sơn <sup>(c)</sup>	1.909.370	39.615.826.607	-	-
Công ty TNHH Sơn Kansai-Alphanam <sup>(d)</sup>	-	110.172.692.629	-	-
Tổng Công ty CP đầu tư và xuất nhập khẩu Foodinco <sup>(e)</sup>	10.925.198	118.184.898.517	-	-
Công ty CP Địa Ốc Alphanam <sup>(f)</sup>	16.640.937	359.226.191.671	-	-
<b>Cộng</b>		<b>627.199.609.424</b>		<b>22.565.729.390</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**Điều chỉnh khoản đầu tư vào Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu:**

Tên Công ty liên kết	Giá gốc khoản đầu tư tại ngày 31/12/2011	Điều chỉnh tăng giảm giá trị khoản đầu tư đến ngày 31/12/2011	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2011
Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	47.440.862.796	(7.825.036.189)	39.615.826.607
Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam	110.250.000.000	(77.307.371)	110.172.692.629
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco	133.366.285.008	(15.181.386.491)	118.184.898.517
Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	368.587.750.880	(9.361.559.209)	359.226.191.671
<b>Cộng</b>	<b>659.644.898.684</b>	<b>(32.445.289.260)</b>	<b>627.199.609.424</b>

Trong năm, Công ty thực hiện đầu tư, góp vốn, mua cổ phần của Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn, Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco và Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam, các Công ty này trở thành Công ty liên kết có phát sinh lợi thể thương mại và đang được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 05 năm, chi tiết lợi thể thương mại phát sinh tại thời điểm mua của các Công ty như sau:

Tên Công ty liên kết	Lợi thể thương mại phát sinh tại ngày mua
Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	28.565.137.946
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco	33.438.827.692
Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	185.733.279.675
<b>Cộng</b>	<b>247.737.245.313</b>

**- Lý do thay đổi với từng khoản đầu tư vào Công ty liên kết:**

- (a) Trong năm, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Vinaconex- Alphanam (là Công ty con của Công ty Cổ phần Alphanam) mua 3.113.087 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây và đã chuyển nhượng 3.221.741 cổ phiếu. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, Công ty nắm giữ 1.170.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây chiếm tỷ lệ 19,5 % vốn điều lệ. Do vậy, khoản đầu tư này được trình bày là khoản đầu tư dài hạn khác.
- (b) Giảm do Công ty CP Pacific - Alphanam Việt Nam đã giải thể.
- (c) Trong năm 2011, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Vinaconex- Alphanam (là Công ty con của Công ty Cổ phần Alphanam) mua 3.743.670 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn và đã chuyển nhượng 2.945.500 cổ phiếu và Công ty Liên doanh Fuji – Alpha (là Công ty con của Công ty Cổ phần Alphanam) đã mua 968.200 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, các Công ty con nắm giữ 1.909.370 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn chiếm tỷ lệ 39,56% vốn điều lệ.
- (d) Công ty Cổ phần Alphanam góp vốn vào Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam bằng tiền 43.575.435.000 đồng và bằng tài sản với giá trị 171.424.565.000 đồng (chiếm 99,5% vốn điều lệ). Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng vốn tương ứng là 89.000.000.000 đồng cho Công ty TNHH Kansai (Nhật Bản) và 15.750.000.000 đồng cho thành viên khác. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty nắm giữ 35% vốn điều lệ của Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- (e) Trong năm 2011, Công ty đã đầu tư mua 17.373.698 cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Foodinco với giá mua là 212.083.124.508 đồng và bán 6.448.500 cổ phần với giá bán là 78.716.839.500 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty nắm giữ 10.925.198 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu, tương đương với 48,80% vốn điều lệ của Tổng Công ty CP Đầu tư và XNK Foodinco.
- (f) Khoản đầu tư vào Công ty CP Alphanam Địa Ốc tăng do:
- Chuyển từ khoản đầu tư dài hạn khác sang đầu tư vào công ty liên kết 6.000.000 cổ phần tương ứng với 60.000.000.000 đồng.
  - Mua thêm 10.640.937 cổ phiếu với giá mua là 308.587.750.880 đồng.

Đơn vị tính: VND

**11.02 Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Đầu tư cổ phiếu</b>		<b>55.632.891.607</b>		<b>298.962.457.108</b>
Công ty CP viễn thông Thăng Long	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Phú Thái <sup>(a)</sup>	-	-	3.402.000	136.500.000.000
Công ty Cổ phần Động Lực <sup>(b)</sup>	-	-	1.881.600	45.911.040.000
Công ty Cổ phần Sao Đỏ <sup>(c)</sup> (*)	863.800	8.638.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư XD Hà Tây (*)	1.170.000	35.315.591.607	-	-
Công ty CP Hùng Tiến Kim Sơn <sup>(d)</sup>	-	-	143.000	23.551.417.108
Công ty Cổ phần alphanam Địa Ốc	-	-	6.000.000	60.000.000.000
Công ty CP Đầu tư và xây dựng Alphanam <sup>(e)</sup> (*)	167.930	1.679.300.000	2.300.000	23.000.000.000
<b>Cho vay dài hạn</b>		<b>-</b>		<b>86.326.177.870</b>
Công ty CP Hùng Tiến Kim Sơn		-		71.826.177.870
Các đối tượng khác		-		14.500.000.000
<b>Cộng</b>		<b>55.632.891.607</b>		<b>385.288.634.978</b>

(a) Giảm do chuyển nhượng toàn bộ cổ phiếu đã đầu tư với giá bán 28.942 VND/cổ phiếu, thành tiền 98.459.640.694 đồng, lỗ phát sinh 38.040.359.306 đồng.

(b) Giảm do chuyển nhượng toàn bộ cổ phiếu đã đầu tư với số tiền thu được 28.224.000.000 đồng, lỗ phát sinh 17.687.040.000 đồng.

(c) Mệnh giá cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hùng tiến Kim sơn tại ngày 01/01/2012 là 100.000 đồng/cổ phiếu; tại 31/12/2011 là 10.000 đồng/cổ phiếu.

(d) Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sao Đỏ tăng do mua 863.800 cổ phiếu với giá mua là 10.000 VND/cổ phiếu.

(e) Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng hạ tầng Alphanam tăng, giảm do:

- Mua trong năm 2.161.030 cổ phiếu với giá mua 10.000 VND/cổ phiếu
- Bán trong năm 4.293.100 cổ phiếu với giá bán 10.000 VND/cổ phiếu.

(\*) Các cổ phiếu chưa đăng ký niêm yết trên thị trường chứng khoán và không thể xác định được giá thị trường tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011.

**11.03 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Viễn Thông Thăng Long		(7.900.000.000)		-
<b>Cộng</b>		<b>(7.900.000.000)</b>		<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	1.366.700.677	2.645.531.344
- Chi phí khảo sát thị trường	-	87.286.801
- Chi phí sửa chữa	406.252.295	603.148.355
- Chi phí bảo hiểm	3.454.545	14.790.081
- Chi phí khác	6.830.810	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.783.238.327</u></b>	<b><u>3.350.756.581</u></b>

**13. Lợi thế thương mại**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phát sinh tăng (*)</u>	<u>Số kết chuyển vào chi phí</u>	<u>Giảm khác (**)</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công ty Cổ phần Alphanam Miền Trung	12.054.738.360	-	-	12.054.738.360	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Vinaconex – Alphanam	1.011.320.136	-	311.175.426	-	700.144.710
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đông Á	51.012.721.415	1.376.358.439	6.025.753.491	-	46.363.326.363
<b>Cộng</b>	<b><u>64.078.779.911</u></b>	<b><u>1.376.358.439</u></b>	<b><u>6.336.928.917</u></b>	<b><u>12.054.738.360</u></b>	<b><u>47.063.471.073</u></b>

(\*): Lợi thế thương mại trong năm tăng do mua 84.640 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á với giá mua là 2.302.000.000 đồng, giá trị hợp lý tại thời điểm mua là 925.641.561 đồng. Khoản lợi thế thương mại phát sinh do mua lại Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đông Á được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 10 năm.

(\*\*) Giảm khác là do thanh lý Công ty con.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**14. Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- <b>Vay ngắn hạn</b>	<b>303.233.599.088</b>	<b>256.668.957.480</b>
+ Vay ngân hàng	279.177.299.088	242.654.007.480
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	31.620.586.796	49.941.193.040
+ Ngân hàng TMCP Quân đội	213.228.709.549	168.795.829.979
+ Vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	7.673.612.743	-
+ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	4.004.186.664
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương	-	3.797.797.797
+ Ngân hàng TNHH MTV HSBC	15.654.390.000	5.600.000.000
+ Công ty CP chứng khoán Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam	11.000.000.000	10.515.000.000
+ Vay đối tượng khác	24.056.300.000	14.014.950.000
+ Công ty CP Alphanam - Cenco 4	40.000.000	40.000.000
+ Công ty CP Aphanam miền trung	12.426.400.000	-
+ Công ty Cổ phần Facific – Alpha Việt Nam	-	2.000.000.000
+ Bà Đỗ Thị Minh Anh	11.589.900.000	11.856.000.000
+ Các tổ chức cá nhân khác	-	118.950.000
- <b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>6.123.208.483</b>	<b>8.440.330.952</b>
+ Vay dài hạn đến hạn trả	4.893.748.483	8.064.721.412
+ Nợ thuế tài chính	1.229.460.000	375.609.540
<b>Cộng</b>	<b>309.356.807.571</b>	<b>265.109.288.432</b>

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	13.039.850.582	7.793.782.665
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	151.945.884	713.146.269
- Thuế xuất, nhập khẩu	93.443.867	237.366.107
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.621.042.803	7.531.349.192
- Thuế thu nhập cá nhân	69.559.081	71.235.087
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	236.971.000
<b>Cộng</b>	<b>21.975.842.217</b>	<b>16.583.850.320</b>

**16. Chi phí phải trả**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Chi phí vận chuyển	126.000.000	-
- Chi phí lãi vay	750.305.830	947.709.067
- Chi phí thưởng cho các đại lý	498.286.586	4.479.017.532
- Chi phí thuê nhà	-	184.665.000
- Chi phí thí nghiệm điện	-	136.849.327
- Chi phí khác	1.530.895.489	1.341.081.767
<b>Cộng</b>	<b>2.905.487.905</b>	<b>7.089.322.693</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	26.721.938	58.817.892
- Kinh phí công đoàn	932.651.754	618.765.584
- Bảo hiểm xã hội	107.667.383	59.577.000
- Bảo hiểm y tế	47.658.264	4.068.000
- Bảo hiểm thất nghiệp	13.179.000	-
- Phải trả về cổ phần hóa	170.000.000	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.389.736.485	2.387.017.756
+ Công ty Cổ phần Alphanam Miền Trung	1.402.155.708	-
+ Các đối tượng khác	2.987.580.777	2.387.017.756
<b>Cộng</b>	<b>5.687.614.824</b>	<b>3.128.246.232</b>

**18. Vay và nợ dài hạn**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Vay dài hạn</b>	<b>4.748.254.563</b>	<b>109.198.547.613</b>
- Vay ngân hàng	4.748.254.563	9.198.547.613
+ Ngân hàng TMCP Quân đội	4.748.254.563	9.066.725.225
+ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	104.460.000
+ Ngân hàng ANZ	-	27.362.388
- Vay đối tượng khác	-	-
- Trái phiếu phát hành	-	100.000.000.000
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>2.338.105.311</b>	<b>1.244.713.491</b>
- Thuê tài chính	2.338.105.311	1.244.713.491
- Nợ dài hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>7.086.359.874</b>	<b>110.443.261.104</b>

**19. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>1.530.000.000</b>	<b>-</b>
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	20.713.989.154	1.530.000.000
- Khoản hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	(1.530.000.000)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>20.713.989.154</b>	<b>1.530.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**20. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>438.203.940.000</b>	<b>181.796.010.000</b>	<b>(4.151.500.000)</b>	<b>5.035.776.186</b>	<b>4.649.596.131</b>	<b>270.593.675</b>	<b>3.807.986.471</b>	<b>27.584.089.050</b>	<b>657.196.491.513</b>
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	68.698.502.687	68.698.502.687
Bán cổ phiếu quỹ Công ty con đầu tư vào Công ty Mẹ	-	-	4.151.500.000	-	-	-	-	-	4.151.500.000
Tăng do đánh giá công nợ ngoại tệ cuối năm	-	-	-	5.884.684.682	-	-	-	-	5.884.684.682
Tăng từ phân phối lợi nhuận tại Công ty con	-	-	-	-	-	164.494.303	-	(164.494.303)	-
Giảm do phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi tại Cty con	-	-	-	-	-	-	-	(1.291.727.799)	(1.291.727.799)
Hoàn nhập đánh giá công nợ ngoại tệ cuối năm trước	-	-	-	(5.035.776.186)	-	-	-	-	(5.035.776.186)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>438.203.940.000</b>	<b>181.796.010.000</b>	<b>-</b>	<b>5.884.684.682</b>	<b>4.649.596.131</b>	<b>435.087.978</b>	<b>3.807.986.471</b>	<b>94.826.369.635</b>	<b>729.603.674.897</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>207.640.190.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>207.640.190.000</b>
Tăng vốn trong năm nay	207.640.190.000	-	-	-	-	-	-	-	207.640.190.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	17.709.882.684	17.709.882.684
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	2.106.683.671	(4.213.367.342)	(2.106.683.671)
Chênh lệch đánh giá lại công nợ cuối năm	-	-	-	3.567.681.573	-	-	-	-	3.567.681.573
Hoàn nhập đánh giá công nợ ngoại tệ cuối năm trước	-	-	-	(5.884.684.682)	-	-	-	-	(5.884.684.682)
Giảm do trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi tại Cty con	-	-	-	-	-	-	-	(637.004.910)	(637.004.910)
Giảm khác	-	(107.640.190.000)	-	-	-	-	-	-	(107.640.190.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>645.844.130.000</b>	<b>74.155.820.000</b>	<b>-</b>	<b>3.567.681.573</b>	<b>4.649.596.131</b>	<b>435.087.978</b>	<b>5.914.670.142</b>	<b>107.685.880.067</b>	<b>842.252.865.891</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	645.844.130.000	438.203.940.000
<b>Cộng</b>	<b>645.844.130.000</b>	<b>438.203.940.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	438.203.940.000	438.203.940.000
+ Vốn góp tăng trong năm	207.640.190.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	645.844.130.000	438.203.940.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	64.584.413	43.820.400
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	64.584.413	43.820.394
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>64.584.413</i>	<i>43.820.394</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	64.584.413	43.820.394
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>64.584.413</i>	<i>43.820.394</i>
= <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

**e. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước (*)</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	17.709.882.684	68.698.502.687
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.709.882.684	68.698.502.687
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	59.584.413	54.584.413
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>297</b>	<b>1.259</b>

(\*) Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được trình bày lại do trong năm 2011, Công ty phát hành cổ phiếu thường (10.764.019 cổ phiếu) nên ảnh hưởng đến chỉ tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" năm trước trên Báo cáo tài chính năm 2011 được trình bày lại 1.259 đồng thay bằng "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" đã trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2010 là 1.568 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**21. Lợi ích của cổ đông thiểu số**

	<b>Báo cáo của Công ty con</b>	<b>Phần lợi ích của Công ty mẹ</b>	<b>Phần lợi ích của Cổ đông thiểu số</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.043.844.130.000	936.306.930.000	107.537.200.000
- Thặng dư vốn cổ phần	74.155.820.000	74.155.820.000	-
- Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-
- Cổ phiếu quỹ	-	-	-
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.568.630.698	3.567.681.573	949.125
- Quỹ đầu tư phát triển	6.199.461.508	5.485.854.428	713.607.080
- Quỹ dự phòng tài chính	850.151.278	435.087.978	415.063.300
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	6.645.665.632	6.309.092.169	336.573.463
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	149.813.164.422	145.891.409.390	3.921.755.032
- Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-	-
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.285.077.023.538</b>	<b>1.172.151.875.538</b>	<b>112.925.148.000</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	407.555.283.636	431.073.857.058
- Doanh thu bán thành phẩm	310.592.660.316	439.370.527.201
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.843.554.683	5.416.028.352
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	334.858.344.212	363.520.419.697
<b>Cộng</b>	<b>1.055.849.842.847</b>	<b>1.239.380.832.308</b>

**02. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Chiết khấu thương mại	31.731.962.771	23.328.307.786
- Giảm giá hàng bán	-	31.625.272
- Hàng bán bị trả lại	10.634.474.989	13.930.276.816
<b>Cộng</b>	<b>42.366.437.760</b>	<b>37.290.209.874</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	407.777.729.628	431.073.857.058
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	268.003.776.564	402.080.317.327
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	2.843.554.683	5.416.028.352
- Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	334.858.344.212	363.520.419.697
<b>Cộng</b>	<b><u>1.013.483.405.087</u></b>	<b><u>1.202.090.622.434</u></b>

**04. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	387.501.505.488	363.709.280.397
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	212.473.906.376	309.232.248.721
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	355.456.284	1.198.833.615
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	285.432.141.442	299.906.904.309
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	7.897.759.638	-
<b>Cộng</b>	<b><u>893.660.769.228</u></b>	<b><u>974.047.267.042</u></b>

**05. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.105.904.755	9.325.783.666
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	2.142.469.256
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	524.050.680	972.480.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.296.205.412	5.461.007.887
- Lãi từ chuyển nhượng đầu tư dài hạn	851.832.819	65.192.164.904
- Lãi bán hàng trả chậm	229.877.477	319.863.728
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	31.134.411	442.515.224
<b>Cộng</b>	<b><u>24.039.005.554</u></b>	<b><u>83.856.284.665</u></b>

**06. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	56.333.502.146	32.498.628.169
- Chiết khấu lãi bán hàng trả chậm	4.538.593.393	2.599.361.395
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	69.059.183.013	48.398.800.518
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.764.086.186	5.056.836.624
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	101.947.080	-
- Lỗ đầu tư chứng khoán	798.505.000	-
- Trích lập dự phòng các khoản đầu tư	7.897.462.686	481.280.000
- Chi phí tài chính khác	177.420	-
<b>Cộng</b>	<b><u>144.493.456.924</u></b>	<b><u>89.034.906.706</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**07. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.654.422.450	271.352.119
- Thu nhập bán vỏ thùng phế liệu	122.084.298	-
- Thu nhập từ bán hệ thống bảng biển và lợi thế thương mại cho Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam	43.575.435.000	-
- Thu nhập từ chênh lệch do góp vốn bằng tài sản cố định vào Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam	146.455.408.057	-
- Thu nhập khác	4.538.143.122	5.268.502.245
<b>Cộng</b>	<b>196.345.492.927</b>	<b>5.539.854.364</b>

**08. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
- Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	1.928.328.899	255.765.605
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ thanh lý	880.929.408	-
- Chi phí nhập khác	2.195.267.207	6.495.082.707
<b>Cộng</b>	<b>5.004.525.514</b>	<b>6.750.848.312</b>

**09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.429.211.947	12.475.236.168
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>4.429.211.947</b>	<b>12.475.236.168</b>

**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	20.713.989.154	1.530.000.000
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	82.951.988	2.370.130.272
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(82.951.988)
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(1.530.000.000)	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>19.266.941.142</b>	<b>3.817.178.284</b>

**11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	448.524.857.690	-
- Chi phí nhân công	54.302.041.162	-
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.313.240.855	<b>Không áp dụng</b>
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.814.252.675	-
- Chi phí khác bằng tiền	24.259.213.329	-
<b>Cộng</b>	<b>613.213.605.711</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<u>Năm nay</u>
- Chuyển đổi trái phiếu thành vốn chủ sở hữu	100.000.000.000
- Chuyển thặng dư vốn cổ phần thành vốn chủ sở hữu	107.640.190.000
- Đầu tư góp vốn bằng tài sản	171.424.565.000

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>
<b><i>Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc</i></b>	
Bán 100.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Vinaconex – Alphanam	2.100.000.000
Vay tiền	33.600.000.000
Trả tiền vay	34.116.100.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>
<b><i>Nợ phải trả</i></b>	
Ban Tổng Giám đốc	11.869.659.804
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<u><b>11.869.659.804</b></u>

***Giao dịch với các bên liên quan khác***

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Alphanam Miền Trung	Công ty con (đã thanh lý công ty con từ tháng 5 năm 2011)
Công ty CP Alphanam Địa Ốc	Công ty liên kết
Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam	Công ty liên kết
Tổng Công ty CP Đầu tư và XNK Foodinco	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên	Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Năm nay</b>
<b>Công ty Cổ phần Alphanam Miền Trung</b>	
Bán hàng	8.823.626.699
Hàng bán bị trả lại	2.230.968.065
Mua hàng	591.538.950
Phải trả tiền thuê kho	816.000.000
Tiền lãi vay phải trả	317.176.233
Chiết khấu bán hàng phải trả	492.772.041
Phải trả tiền đặt cọc	100.000.000
Tiền thuê văn phòng	72.000.000
<b>Công ty CP Alphanam Địa Ốc</b>	
Bán hàng	401.233.491
Mua hàng	8.058.122
Chi tiền cho vay	17.175.311.000
Lãi vay phải thu	2.507.131.261
Vay tiền	499.100.000
Chi phí lãi vay phải trả	20.080.684
Mua 405.879 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) Công ty CP BĐS Hoa Anh Đào với giá mua 73.243 VND/cổ phiếu	29.727.795.597
Bán lại 405.879 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) Công ty CP BĐS Hoa Anh Đào với giá bán 73.243 VND/cổ phiếu	29.727.795.597
Thu tiền bán 4.293.100 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) Momota với giá 10.000 VND /cổ phiếu	42.931.000.000
Thu lại tiền đặt cọc thuê nhà	100.000.000
Bán 30.350 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) Công ty CP Hùng Tiến Kim Sơn	500.000.000
Mua 2.456.670 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) Công ty CP Hùng Tiến Kim Sơn	40.461.639.512
Mua 968.200 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) Công ty CP Hùng Tiến Kim Sơn	31.939.949.800
Mua 1.295.746 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) Công ty Cổ phần Xây dựng Hà Tây	37.174.840.000
<b>Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam</b>	
Bán hàng	28.293.661.329
Bán hệ thống băng biển	47.932.978.500
Mua hàng	7.857.785.140
Chi phí thuê kho phải trả	87.299.727
Chiết khấu bán hàng	604.375.085

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<b>Năm nay</b>
<b>Tổng Công ty CP Đầu tư và XNK Foodinco</b>	
Mua hàng	39.759.800.000
Chuyển nhượng 3.881.500 cổ phiếu của Công ty CP Alphanam Miền Trung với giá 10.000 VND/cổ phiếu	38.815.000.000
Mua 3.900.000 cổ phiếu Tổng Công ty CP ĐT & XNK Foodinco với giá mua 10.000 VND/cổ phiếu	39.000.000.000
<b>Công ty CP Đầu tư Minh Nguyên</b>	
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.828.128.156
Mua hàng	-
Chi tiền cho vay	2.183.000.000
Lãi vay phải thu	664.494.619
Sử dụng dịch vụ	16.778.344.753
Chuyển nhượng 4.665.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) của Tổng Công ty CP Đầu tư và XNK Foodinco với giá bán 12.208 VND/cổ phiếu	56.950.320.000
Mua 1.846.410 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) của Công ty CP Alphanam Địa Ốc với giá 29.000 VND/cổ phiếu	53.545.890.000
Mua 863.800 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) Công ty CP Sao Đỏ Đà Nẵng với giá 10.000 VND/cổ phiếu	8.638.000.000
<b>Công ty CP Đầu tư Alphanam</b>	
Chuyển nhượng 13.473.698 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) của Tổng Công ty CP Đầu tư và XNK Foodinco với giá bán 12.846 VND/cổ phiếu	173.083.124.508
Mua 3.884.447 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) của Công ty CP Alphanam Địa Ốc với giá 29.000 VND/cổ phiếu	112.648.925.000
Mua 1.993.100 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) Công ty CP Đầu tư Xây dựng hạ tầng Alphanam với giá 10.000 VND/cổ phiếu	19.931.000.000
Chuyển nhượng 2.945.500 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) Công ty CP Hùng Tiến Kim sơn	48.012.034.512
<b>Công ty CP Hùng Tiến Kim Sơn</b>	
Ứng trước tiền mua sàn văn phòng tại tòa nhà 47 Vũ Trọng Phụng, Hà Nội	99.518.700.000
Mua 1.791.600 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây	71.963.460.000
Chuyển nhượng 3.221.741 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây	97.248.252.085

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>
<b>Công ty CP Alphanam Địa Ốc</b>	<b>3.809.185.548</b>
Đầu tư ngắn hạn khác	550.000.000
Phải thu khách hàng	589.001.778
Phải thu khác	2.448.011.837
Trả trước cho người bán	222.171.933
<b>Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam</b>	<b>9.158.038.427</b>
Phải thu khách hàng	9.042.143.781
Phải thu khác	115.894.646
<b>Công ty CP Hùng Tiến Kim Sơn</b>	<b>99.518.700.000</b>
Trả trước cho người bán	99.518.700.000
<b>Công ty CP Đầu tư Minh Nguyên</b>	<b>1.140.000</b>
Phải thu khác	1.140.000
<b>Công ty CP Đầu tư Alphanam</b>	<b>6.914.667.284</b>
Phải thu khách hàng	34.074.355
Phải thu khác	6.880.592.929
<b>Công ty Cổ phần Alphanam Miền Trung</b>	<b>1.759.693.027</b>
Phải thu khách hàng	1.759.693.027
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>121.161.424.286</b>
	<u>Năm nay</u>
<b>Công ty Cổ phần Alphanam Miền Trung</b>	<b>18.705.724.653</b>
Người mua trả tiền trước	2.034.647.331
Phải trả người bán	2.842.521.614
Vay và nợ ngắn hạn	12.426.400.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.402.155.708
<b>Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam</b>	<b>8.261.992.002</b>
Phải trả người bán	8.252.414.962
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.577.040
<b>Công ty CP Đầu tư Minh Nguyên</b>	<b>396.576.349</b>
Phải trả người bán	396.576.349
<b>Tổng Công ty Cổ phần đầu tư và xuất nhập khẩu Foodico</b>	<b>1.544.060.000</b>
Người mua trả tiền trước	1.544.060.000
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>28.908.353.004</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**02. Điều chỉnh hồi tố****02.1 Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010**

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2010 trước điều chỉnh	Số điều chỉnh (*)	Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2010 sau điều chỉnh
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>686.989.930.219</b>		<b>686.989.930.219</b>
Vốn chủ sở hữu	410	686.989.930.219		686.989.930.219
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	438.203.930.000	10.000	438.203.940.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	181.796.020.000	(10.000)	181.796.010.000

(\*) Điều chỉnh tăng khoản mục “Vốn đầu tư của chủ sở hữu”, giảm khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần” số tiền là 10.000 đồng, do trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 ghi nhận sai phát hành cổ phiếu thưởng từ thặng dư vốn cổ phần với giá trị là 48.203.990.000 tương đương với 4.820.399 cổ phiếu (mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu) nhưng đang ghi nhận tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần là 48.203.980.000 đồng tương đương với 4.820.398 cổ phiếu.

**02.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2010**

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2010 trước điều chỉnh	Số điều chỉnh (*)	Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2010 sau điều chỉnh
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.568	(309)	1.259

(\*) Điều chỉnh hồi tố do ảnh hưởng của việc trong năm 2011 Công ty phát hành 10.764.019 Cổ phiếu thưởng từ thặng dư vốn cổ phần (xem thêm thuyết minh số V.20.e).

**02.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2010**

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2010 trước điều chỉnh	Số điều chỉnh (*)	Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2010 sau điều chỉnh
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	328.514.403.000	(561.169.599.668)	(232.655.196.668)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	(232.655.196.668)	561.169.599.668	328.514.403.000

(\*) Điều chỉnh hồi tố do trình bày nhầm dòng trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**02.3 Thuyết minh báo cáo tài chính**

Chỉ tiêu	Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2010 trước điều chỉnh		Số điều chỉnh		Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2010 sau điều chỉnh	
	Số cổ phiếu	Giá trị	Số cổ phiếu	Giá trị	Số cổ phiếu	Giá trị
<b>V.11.02 Đầu tư dài hạn khác</b>						
Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	5.465.500	60.000.000.000	534.500	-	6.000.000	60.000.000.000
<b>V.20d. Cổ phiếu</b>						
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.820.393		01		43.820.394	

**03. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: sơn (đến tháng 12 năm 2011 đã chuyển giao cho Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam);
- Lĩnh vực thương mại: bán hàng hóa các loại và cung cấp dịch vụ;
- Lĩnh vực đầu tư tài chính.

**Khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)***Đơn vị tính: VND*

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định, tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm nay	Sản xuất	Thương mại	Dịch vụ	Xây dựng	Đầu tư tài chính	Cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	268.003.776.564	407.777.729.628	2.843.554.683	334.858.344.212	1.375.883.499	1.014.859.288.586
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-	-
Khấu hao và chi phí phân bổ	263.490.951.320	453.109.104.346	812.957.470	339.307.697.474	77.976.517.405	1.134.697.228.014
Lợi nhuận từ hoạt động KD	4.512.825.244	(45.331.374.718)	2.030.597.213	(4.449.353.262)	(76.600.633.906)	(119.837.939.428)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và tài sản dài hạn khác	2.026.006.796	3.082.644.812	21.496.194	2.531.401.944	-	7.661.549.745
<b>Số dư cuối năm</b>						
Tài sản bộ phận	128.644.757.555	217.450.524.207	-	230.780.162.130	680.222.351.031	1.257.097.794.923
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	290.299.879.650
<b>Tổng tài sản</b>	<b>128.644.757.555</b>	<b>217.450.524.207</b>	-	<b>230.780.162.130</b>	<b>680.222.351.031</b>	<b>1.547.397.674.573</b>
Nợ phải trả bộ phận	143.476.027.637	218.304.120.770	-	179.266.671.778	20.713.989.154	561.760.809.339
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	30.458.851.344
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>143.476.027.637</b>	<b>218.304.120.770</b>	-	<b>179.266.671.778</b>	<b>20.713.989.154</b>	<b>592.219.660.683</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**04. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.967.120.314	77.060.328.531	49.967.120.314	77.060.328.531
Phải thu khách hàng và phải thu khác	393.812.601.392	363.720.617.579	378.847.295.639	357.445.209.867
Đầu tư ngắn hạn	6.472.694.286	264.577.953.842	5.289.850.000	263.393.527.956
Đầu tư dài hạn khác	55.632.891.607	385.288.634.978	47.732.891.607	385.288.634.978
<b>Cộng</b>	<b>505.885.307.599</b>	<b>1.090.647.534.930</b>	<b>481.837.157.560</b>	<b>1.083.187.701.332</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	316.443.167.445	375.552.549.536	316.443.167.445	375.552.549.536
Phải trả cho người bán và phải trả khác	89.041.058.179	91.288.205.567	89.041.058.179	91.288.205.567
Chi phí phải trả	2.905.487.905	7.089.322.693	2.905.487.905	7.089.322.693
<b>Cộng</b>	<b>408.389.713.529</b>	<b>473.930.077.796</b>	<b>408.389.713.529</b>	<b>473.930.077.796</b>

**05. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

**06. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

**07. Thông tin khác**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐTN đã thông qua việc sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam vào Công ty Cổ phần Alphanam. Đến thời điểm này, Công ty đang hoàn thiện hồ sơ cho việc sáp nhập này.

Hưng Yên, ngày 30 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Nguyễn Văn Anh

Nguyễn Thị Thu Hương

Nguyễn Tuấn Hải